

Bản án số: 67/2025/DS-PT
Ngày: 28 - 02 - 2025
V/v “Tranh chấp thừa kế tài sản,
hợp đồng cổ đất, hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bích Hải

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan;
Ông Trương Hoài Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 540/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản, hợp đồng cổ đất, hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 95/2024/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Hoàng A, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ; (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T, sinh năm 1981; địa chỉ: C khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1976; (vắng mặt)

2.2 Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1978; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp của ông C là ông Đỗ Văn L. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông L ông Lê Minh Đ là Luật sư - Công ty TNHH một thành viên L2; địa chỉ: Số I, đường Đ, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của bà M là ông Đỗ Hoàng A, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3.2 Bà Đỗ Hồng L1, sinh năm 1987; (vắng mặt)

3.3 Bà Đỗ Tân M1, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Đại diện ủy quyền của bà M1, bà L1 là ông Đỗ Văn L, sinh năm 1978. (có mặt)

3.4 Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

3.5 Ngân hàng N2;

Địa chỉ trụ sở chính: Số B, đường L, Phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T1 - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vĩnh N- Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh- Chi nhánh huyện V, Cần Thơ II thuộc Ngân hàng N2. (có mặt)

Địa chỉ Chi nhánh: Số A - 05, đường P, ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đỗ Hoàng A trình bày: Ông Đỗ Văn T2 (chết ngày 02/11/2020) và bà Trương Thị D (chết ngày 11/12/2021) chung sống với nhau có 06 người con gồm: Đỗ Văn C, Đỗ Văn L, Đỗ Thị M, Đỗ Hoàng A, Đỗ Hồng L1, Đỗ Tân M1. Trong quá trình chung sống ông T2 và bà D tạo dựng được tài sản chung gồm: Tổng diện tích đất qua đo đạc là 6.493m² (Trong đó, ONT 1904m², LUA 4589m²) tại các thửa đất số 738, 269, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH02428, CH02427 cùng ngày 12/6/2015 cho bà Trương Thị D đứng tên, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Khi cha mẹ chết không để lại di chúc và di sản từ trước đến nay các anh chị em chưa chia. Vào năm 2023, ông Đỗ Văn L, Đỗ Văn C có hành vi ngăn cản, xua đuổi ông ra khỏi nhà cho thờ cúng lo hương khói cho cha mẹ ông bà dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Nay ông Đỗ Hoàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: yêu cầu được chia hiện vật diện tích 1529,6m² vị trí A tại thửa 269. Yêu cầu được chia hiện vật diện tích 634,6m² vị trí D, E đồng ý tháo dỡ tài sản vị trí C, F trả cho bị đơn. Đối với căn nhà trên đất là tài sản của mẹ để lại xin được nhận và đồng ý trả giá trị lại cho nguyên đơn. Đối với cây trồng, mồ mã và trạm viễn thông nằm trên phần đất của ai thì người đó tự quản lý không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Hợp đồng cổ đất ngày 28/9/2021 đồng ý hủy và đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M2 số nợ 26 chỉ vàng 24K (4,33 chỉ vàng 24k/người). Đối với nợ Ngân hàng A1 đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả nợ gốc 80.000.000đ và nợ lãi phát sinh.

Bị đơn ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L (ông L cũng là đại diện ủy quyền cho ông C) trình bày: Ông L thống nhất ông T2 và bà D có 06 người con và thửa đất 738, 269 là tài sản do vợ chồng bà D tạo lập như nguyên đơn trình bày. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn đồng ý chia thừa kế theo pháp luật và có yêu cầu phản tố giải quyết như sau: yêu cầu được chia hiện vật diện tích 3059,4m² vị trí B tại thửa 269. Bị đơn yêu cầu được chia hiện vật diện tích 1.270m² vị trí C, D, E, F bị đơn đồng ý tháo dỡ tài sản vị trí A, B trả cho nguyên đơn. Đối với Hợp đồng cổ đất ngày 28/9/2021, bị đơn đồng ý hủy và đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M2 số nợ 26 chỉ vàng 24K (4,33 chỉ vàng 24k/ người). Đối với nợ Ngân hàng A1 đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả nợ gốc 80.000.000đ và nợ lãi phát sinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị M trình bày: Bà M thống nhất với lời trình bày của ông Hoàng A. Đối với phần di sản thừa kế, bà được hưởng một phần thì bà giao lại phần được hưởng cho ông Hoàng A quản lý, sử dụng. Đối với căn nhà trên đất, toàn bộ tiền xây dựng căn nhà là do bà bỏ ra để xây dựng phụng dưỡng bà D khi mẹ còn sống. Đối với căn nhà này thì bà đồng ý giao lại cho ông Hoàng A được toàn quyền quản lý, sử dụng. Việc bà bỏ tiền xây nhà có thầu xây dựng là ông Lê Thiện H làm chứng. Bà chỉ trả toàn bộ tiền công, vật liệu xây dựng để xây nhà. Các hóa đơn mua hàng bà M hiện không còn giữ do thời gian đã lâu, cửa hàng vật tư đó giờ đã nghỉ bán. Do bận công việc yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông Đỗ Văn C, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1: Có đại diện theo ủy quyền là ông L thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của ông L.

Bà Nguyễn Thị M2 trình bày: Vào ngày 28/9/2021, bà M2 có cổ của bà D và ông L thửa đất số 269, tờ bản đồ số 2, diện tích 4.589m² đất lúa với giá 26 chỉ vàng 24K, thời hạn cổ đất là 01 năm. Hai bên có làm hợp đồng giấy tay, bản gốc bà M2 đang giữ. Phần đất này hiện nay bà M2 cho ông L thuê lại với giá 13.000.000 đồng/năm, thời hạn thuê là đến tháng 8/2024. Nay, qua yêu cầu khởi kiện của các đương sự thì bà có yêu cầu độc lập về việc hủy hợp đồng cổ đất ruộng lập ngày 28/9/2021 giữa bà M2 với bà D và ông L, buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà D trả lại cho bà M2 26 chỉ vàng 24K.

Ngân hàng N2, có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Vĩnh N trình bày: Vào ngày 11/3/2021, bà Trương Thị D vay của Ngân hàng N2 số tiền

120.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng. Để đảm bảo khoản nợ vay, bà D thế chấp thửa đất số 269, diện tích 4.589m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02427 ngày 12/6/2015 cho bà Trương Thị D đứng tên. Đến nay, bà D đã trả được 40.000.000 đồng, còn nợ lại gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi là 15.840.465 đồng, trong đó lãi trong hạn là 15.676.493 đồng, lãi quá hạn là 3.886.274 đồng. Ngân hàng có yêu cầu độc lập buộc hàng thừa kế của bà D có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là 99.562.767 đồng, trong đó nợ gốc là 80.000.000 đồng, lãi trong hạn là 15.676.493 đồng, lãi quá hạn là 3.886.274 đồng.

Người làm chứng:

Ông Trương Văn H1 trình bày: Ông là em ruột của bà D. Bà D có cổ đất thuộc thửa đất số 269 cho bà M2 với giá 26 chỉ vàng 24K. Bà D và ông L có ký tên vào hợp đồng cổ đất. Ông H1 có ký tên làm người làm chứng vào Hợp đồng cổ đất là sự thật. Do bận việc xin xét xử vắng mặt.

Ông Trần Sơn N1 trình bày: Ông là thợ làm cửa cho nhà bà M. Khi ông làm cửa thì bà M là người trực tiếp thuê và trả tiền cho ông. Ông N1 xin xét xử vắng mặt.

Ông Lê Thiện H trình bày: Ông H là thầu xây dựng cho nhà bà M. Bà M là người trực tiếp thuê và trả toàn bộ tiền xây dựng nhà cho ông. Ông biết căn nhà này là bà Mạnh C1 cho mẹ là bà D ở dưỡng già vì khi cất ông có nghe bà D nói lại. Việc xây dựng vào năm 2012 thì hai bên có làm hợp đồng bằng giấy viết tay, bà M là người giữ hợp đồng xây dựng bản chính. Ông H xin xét xử vắng mặt.

Tại bản án sơ thẩm số 95/2024/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hoàng A; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1.

1. Xác định di sản thừa kế theo pháp luật của ông Đỗ Văn T2 và bà Trương Thị D gồm diện tích đất qua đo đạc là 6.493m² (*Trong đó, ONT 1904m², LUA 4589m²*) tại các thửa đất số 738, 269, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH02428, CH02427 cùng ngày 12/6/2015 cho bà Trương Thị D đứng tên, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ có tổng giá trị là 941.740.000 đồng.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Đỗ Văn T2 là ngày 02/11/2020, thời điểm mở thừa kế của bà Trương Thị D là ngày 11/12/2021.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Văn T2 và bà Trương Thị D gồm có 06 người: Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1.

Chia hiện vật cụ thể như sau:

4. Chia ông Đỗ Hoàng A diện tích 1529,6m² (vị trí A), loại đất LUC, thuộc một phần của thửa đất số 269; diện tích 634,6m² (vị trí D, E) và toàn bộ căn nhà nằm trên vị trí đất được nhận, loại đất ONT, thuộc một phần của thửa đất số 738, cùng tờ bản đồ số 02 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02428, CH02427 cùng ngày 12 tháng 06 năm 2015 cho bà Trương Thị D đứng tên, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ và đồng ý có trách nhiệm tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản nằm trên vị trí C, F thuộc một phần thửa 738 để giao trả đất cho ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1. Tài sản được nhận có giá trị 313.886.000 đồng.

5. Chia ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 diện tích 3059,4m² (vị trí B), loại đất LUC, thuộc một phần của thửa đất số 269; diện tích 951,9m² (vị trí A, B, C) và 317,5m² (vị trí F), loại đất ONT, thuộc một phần của thửa đất số 738, cùng tờ bản đồ số 02 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02428, CH02427 cùng ngày 12 tháng 06 năm 2015 cho bà Trương Thị D đứng tên, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Tài sản được nhận có giá trị 627.854.000 đồng.

(Vị trí, kích thước, phân đất được chia và thi hành được thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 567, 568/VPĐKĐĐ ngày 16/8/2024 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố C; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản cùng ngày 27/11/2023).

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị M2.

Hủy Hợp đồng cổ đất bằng văn bản đánh máy có tiêu đề “*Tờ Hợp Đồng Cổ Đất Ruộng*” ngày 28/9/2021 giữa bà Nguyễn Thị M2 và Trương Thị D1, Đỗ Văn L.

Buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trương Thị D gồm có: Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 đồng ý cùng có nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi thừa kế di sản cho bà Nguyễn Thị M2 26 chỉ vàng 24K. *(Trong đó, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Thị M có trách nhiệm trả cho bà M2 8,66 chỉ vàng 24K; Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 cùng có trách nhiệm trả cho bà M2 17,34 chỉ vàng 24K).*

7. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng N2.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trương Thị D gồm có: Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 đồng ý cùng có nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi thừa kế di sản cho Ngân hàng N2 tổng số tiền là 95.676.493 đồng. Trong đó, 80.000.000 đồng nợ gốc, 15.676.493 đồng nợ lãi trong hạn) cụ thể trả như sau: Ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Thị M có trách nhiệm trả nợ gốc 26.667.000 đồng (làm tròn), nợ lãi 5.226.000 đồng (làm tròn); Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn

L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 có trách nhiệm trả nợ gốc 53.334.000 đồng (làm tròn), nợ lãi 10.451.000 đồng (làm tròn) tính đến ngày 25/9/2024.

Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh (*không tính lãi quá hạn*) tính từ ngày 26/9/2024 cho đến khi trả xong nợ, trong phạm vi thừa kế di sản của bà Trương Thị D để lại (*tương ứng tiền lãi chia đều mỗi người chịu 1/6*). Theo hợp đồng tín dụng theo hợp đồng tín dụng số:1805-LAV-2021 00428 ngày 11/3/2021 đã ký kết.

Sau khi ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 hoàn tất nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên thì Ngân hàng N2 có trách nhiệm trả lại toàn bộ bản chính giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1.

Trường hợp ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 không thanh toán hoặc thanh toán không đúng hạn các khoản nợ trên thì nguyên đơn Ngân hàng N2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 02, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 4589m², loại đất LUC, do Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH02427 ngày 12/6/2015 cho bà Trương Thị D đứng tên, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ theo hợp đồng tín dụng số:1805-LAV-2021 00428 ngày 11/3/2021 để thu hồi nợ cho Ngân hàng N2.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/10/2024, bị đơn ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phần đất tại vị trí C, D, E, F và căn nhà thuộc thửa 378, loại đất ONT.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị đơn ông Đỗ Văn L trình bày: Thời điểm xây dựng nhà, ông T2 là người trực tiếp đứng ra xây dựng, mua vật tư theo các hóa đơn ông L cung cấp. Ông L cho rằng nhà này là của ông T2, bà D nên mong muốn được Tòa án giao cho ông được quản lý thờ cúng còn đối với vị trí đất giải quyết như thế nào cũng được.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Hoàng A – bà Hồ Thị Thu T trình bày: Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông C, ông L, bà L1, bà M1. Tài liệu chứng cứ ông L cung cấp tại phiên tòa là các hóa đơn mua vật tư do ông T2 đứng tên không thể hiện ông T2 là người trả tiền nên không thể chứng minh căn nhà tranh chấp là do ông T2, bà D bỏ tiền ra xây dựng. Bản án sơ thẩm giao cho ông C, ông L, bà L1, bà M1 các vị trí A, B, C, F là phù hợp vì trên đất vị trí A, B, C có nhà của ông L đang ở xây dựng kiên cố,

nay kháng cáo yêu cầu giao cho phía bị đơn các vị trí C, D, E, F, ông L đồng ý tháo dỡ nhà tại vị trí A, B, C để giao đất cho ông Hoàng A là không phù hợp vì trên đất ở vị trí D, E có mộ trước nhà và căn nhà chính là do bà M xây dựng giao cho ông Hoàng A thờ cúng, nhang khói ông, bà. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, ông L, bà L1, bà M1, nguyên đơn đồng ý hỗ trợ công đóng góp xây nhà của ông T2, bà D nên trả cho ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M3 người 50.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Nhận thấy, trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và qua diễn biến tại phiên tòa kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1; ghi nhận nguyên đơn đồng ý hỗ trợ công sức đóng góp xây dựng nhà cho bà D, ông T2 nên trả cho ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1 và bà Đỗ Tân M1 mỗi người 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 thực hiện trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Đỗ Văn L - Luật sư Lê Minh Đ vắng mặt, ông L đồng ý xét xử vắng mặt luật sư Đ. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt Luật sư Lê Minh Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trên cơ sở tranh chấp giữa nguyên đơn ông Đỗ Hoàng A, bị đơn ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp thừa kế tài sản, Hợp đồng có đất, Hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1. Xét thấy:

[3.1] Về hàng thừa kế của ông T2, bà D: Các đương sự thống nhất xác định Ông Đỗ Văn T2 (chết ngày 02/11/2020) và bà Trương Thị D (chết ngày 11/12/2021), chung sống với nhau có 06 người con: Đỗ Văn C, Đỗ Văn L, Đỗ

Thị M, Đỗ Hoàng A, Đỗ Hồng L1, Đỗ Tân M1. Do vậy, các ông bà là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T2, bà D theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về di sản thừa kế: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH02428, cấp ngày 12/6/2015 đối với thửa 738, diện tích 2.287,7m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02427 cấp ngày 12/6/2015, đối với thửa 269, diện tích 389,7m², cùng toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ, cho bà Nguyễn Thị D2. Các đương sự thống nhất quyền sử dụng các thửa đất trên là tài sản chung được ông T2 và bà D2 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Trước khi mất, ông T2, bà D2 không để lại di chúc và cũng chưa định đoạt tài sản cho ai nên phân tài sản của ông bà được xem là di sản thừa kế và được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả đo đạc thực tế tổng diện tích đo đạc thực tế là 6.493m² (Trong đó, ONT 1904m², LUA 4589m²), tổng giá trị là 941.740.000 đồng.

[3.3] Về thời hiệu: Ông Đỗ Văn T2 (chết ngày 02/11/2020) và bà Trương Thị D (chết ngày 11/12/2021). Đến ngày 26/5/2023 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông T2, bà D để lại là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông Đỗ Hoàng A yêu cầu được chia hiện vật diện tích 1529,6m² vị trí A tại thửa 269, diện tích 634,6m² vị trí D, E đồng ý tháo dỡ tài sản vị trí C, F trả cho bị đơn. Đối với căn nhà trên đất là tài sản của mẹ để lại xin được nhận và đồng ý trả giá trị lại cho nguyên đơn.

Theo đơn phản tố, ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L yêu cầu được chia hiện vật diện tích 3059,4m² vị trí B tại thửa 269. Yêu cầu được chia hiện vật diện tích 1.270m² vị trí C, D, E, F đồng ý tháo dỡ tài sản vị trí A, B trả cho nguyên đơn.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ kiện ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 cùng có yêu cầu yêu cầu được chia hiện vật diện tích 3059,4m² vị trí B tại thửa 269 và diện tích 1.270m² vị trí C, D, E, F.

[4.1] Xét yêu cầu chia di sản của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại 02 thửa đất số 738, 269, nhận thấy:

- Các đương sự thống nhất thỏa thuận chia thừa kế thửa 269 tổng diện tích 4.589m² cho 06 người thuộc hàng thừa kế của ông T2, bà D mỗi phần có diện tích 764,8m². Theo đó, nguyên đơn ông Đỗ Hoàng A (có phần diện tích bà M nhận và nhường lại cho ông Hoàng A) đồng ý nhận vị trí A diện tích 1529,6m², bị đơn ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 đồng ý nhận vị trí B diện tích 3059,4m² nên cấp sơ thẩm công nhận là có cơ sở.

- Các đương sự thống nhất chia thừa kế thửa 738 tổng diện tích 1904m² cho 06 người mỗi phần có diện tích 317,3m² nhưng không thỏa thuận được vị trí và tài sản là căn nhà trên đất. Căn cứ theo Bản trích đo địa chính số 567 ngày

16/8/2024, nguyên đơn xin được nhận phần đất vị trí D, E tổng diện tích là 634,6m² đồng ý tháo dỡ tài sản di dời trả lại cho bị đơn phần đất vị trí C, F. Bị đơn xin được nhận phần đất vị trí C, D, E, F tổng diện tích là 1269,4m² đồng ý tháo dỡ tài sản di dời trả lại là căn nhà bị đơn đang ở cho để giao phần đất vị trí A, B cho nguyên đơn.

Nhận thấy, trên thửa đất 738, tại vị trí D, E có căn nhà chính, kết cấu nền lát gạch men, vách tường, cột bê tông cốt thép, có gác lửng, mái lợp tole, trần la phong, khung đỡ mái sắt hộp, diện tích 143,7m², mái che phía trước và bên hông theo kết quả định giá là 541.749.000đồng. Phía ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1 và bà Đỗ Tân M1 cho rằng căn nhà trên là tài sản của ông T2, bà D nên yêu cầu được chia vị trí C, D, E, F và xin nhận căn nhà đồng ý trả giá trị lại cho nguyên đơn, nhưng các ông bà không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh căn nhà nêu trên là của bà D, ông T2 và cũng không có văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền xác nhận căn nhà thuộc sở hữu của bà D. Mặt khác, ông L có căn nhà đang ở ổn định từ trước đến nay tại vị trí A, B, nay ông đòi tháo dỡ nhà để giao đất cho ông Hoàng A và yêu cầu ông Hoàng A giao căn nhà đang thờ cúng ông bà cho ông L quản lý. Xét thấy, yêu cầu của ông L không được phía nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở thuyết phục vì không phù hợp với thực tế sử dụng đất. Về phía bà M cung cấp chứng cứ là “Tờ hợp đồng” xây dựng nhà cấp 4, chiều ngang 8,1m, chiều dài 16,9m, với giá 500.000đồng/m² khởi công ngày 09/2/2012, với ông Lê Thiện H. Theo kết quả xác minh lấy lời khai người làm chứng ông Lê Thiện H chủ thầu xây dựng và ông Trần Sơn N1 thợ làm toàn bộ phần sắt, thép của căn nhà thừa nhận việc xây dựng căn nhà tại thửa đất 738 là do bà M bỏ tiền ra xây cất cho mẹ là bà D, ông T2 khi còn sống ở. Xét thấy, thời điểm xây dựng nhà năm 2012, ông T2, bà D đã trên 60 tuổi có thu nhập thấp, không thể tích góp được số tiền lớn để xây dựng nhà ở, ngoài bà M thì những người con khác của ông bà chưa xuất trình được chứng cứ chứng minh đã góp tiền xây dựng nhà nên có cơ sở xác định căn nhà trên là do bà M xây dựng. Từ căn cứ trên, xác định căn nhà trên đất không phải là di sản thừa kế của bà D, ông T2 nên không thể chia thừa kế theo yêu cầu của ông L, ông C, bà L1, bà M1.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà M có ý kiến giao căn nhà cho ông Hoàng A toàn quyền quản lý, sử dụng. Xét thấy, ông Hoàng A là người trực tiếp quản lý sử dụng và thờ cúng ông, bà tại căn nhà này từ khi ông T2, bà D chết đến nay. Do căn nhà thờ cúng nằm tại vị trí D, E tổng diện tích là 634,6m² nên cấp sơ thẩm giao phần thừa kế tại vị trí D, E cho nguyên đơn là phù hợp. Riêng phần mái che nhà tạm lán qua vị trí C, F thì ông Hoàng A đồng ý tự nguyện tháo dỡ, di dời trả lại hiện trạng đất cho ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1 và bà Đỗ Tân M1. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc được chia tại C, D, E, F và xin nhận căn nhà đồng ý trả giá trị lại cho nguyên đơn nên đã giải quyết giao vị trí A, B, C (tổng diện tích là 951,9m²) và F (diện tích là 317,5m²) giao cho ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1 và bà Đỗ Tân M1 là phù hợp theo quy định tại các Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp chứng cứ là “Tờ hợp đồng” của ông Lê Thiện H “*nhận thầu xây dựng nhà của bác năm T2, chiều ngang 8m, chiều dài 16m với giá 64.000.000đồng*”, không ghi ngày tháng năm, trong hợp đồng chỉ có ông H ký, không có chữ ký của ông T2, đồng thời các Hóa đơn mua vật tư năm 2012, người đứng tên mua trên hóa đơn có phiếu ghi tên ông T2, có phiếu không ghi tên, hơn nữa số tiền thanh toán chỉ một phần không chứng minh được toàn bộ căn nhà là do ông T2, bà D trả chi phí xây dựng. Tuy nhiên, việc xây dựng nhà chính có công đóng góp của ông T2 nên ông Hoàng A đồng ý trả công sức đóng góp xây dựng nhà cho bà D, ông T2 số tiền là 200.000.000 đồng chia đều cho ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1 và bà Đỗ Tân M1 mỗi người 50.000.000đồng nhưng phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên ghi nhận.

[5] Đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị M2 thì tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự thỏa thuận hủy “*Tờ Hợp Đồng Cố Đất Ruộng*” ngày 28/9/2021 giữa bà Nguyễn Thị M2 và Trường Thị D1, Đỗ Văn L. Hàng thừa kế thứ nhất của bà D1 là ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 đồng ý cùng có nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi thừa kế di sản cho bà Nguyễn Thị M2 26 chỉ vàng 24K. (Trong đó, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Thị M có trách nhiệm trả cho bà M2 8,66 chỉ vàng 24K. Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 cùng có trách nhiệm trả cho bà M2 17,34 chỉ vàng 24K), các đương sự không kháng cáo nên giữ nguyên.

[6] Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng N2, các đương sự thống nhất thỏa thuận hàng thừa kế thứ nhất của bà Trương Thị D gồm có: Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 cùng có nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền là 95.676.493 đồng (trong đó, 80.000.000 đồng nợ gốc, 15.676.493 đồng nợ lãi trong hạn) theo hợp đồng tín dụng số: 1805-LAV-2021 00428 ngày 11/3/2021, trong phạm vi thừa kế di sản cho Ngân hàng N2. Phương thức trả như sau: Ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Thị M có trách nhiệm trả nợ gốc 26.667.000 đồng (làm tròn), nợ lãi 5.226.000 đồng (làm tròn); Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 có trách nhiệm trả nợ gốc 53.334.000 đồng (làm tròn), nợ lãi 10.451.000 đồng (làm tròn) tính đến ngày 25/9/2024 và tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 26/9/2024 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp các đương sự không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1, ghi nhận ý chí tự nguyện của nguyên đơn trả công sức đóng góp xây dựng nhà cho bà D, ông T2 số tiền là 200.000.000đồng, số tiền này sẽ được chia đều cho người thừa kế của bà D là các ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 mỗi người 50.000.000 đồng.

Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M4 được chấp nhận nên phải nộp tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hoàng A; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1.

1. Xác định di sản thừa kế theo pháp luật của ông Đỗ Văn T2 và bà Trương Thị D gồm diện tích đất qua đo đạc là 6.493m² (Trong đó, ONT 1904m², LUA 4589m²) tại các thửa đất số 738, 269, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Cần Thơ cấp Giấy nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH02428, CH02427 cùng ngày 12/6/2015 cho bà Trương Thị D đứng tên, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ có tổng giá trị là 941.740.000 đồng (chín trăm bốn mươi một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Đỗ Văn T2 là ngày 02/11/2020, thời điểm mở thừa kế của bà Trương Thị D là ngày 11/12/2021.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Văn T2 và bà Trương Thị D gồm có 06 người: Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1.

Chia hiện vật cụ thể như sau:

4. Chia ông Đỗ Hoàng A diện tích 1529,6m² (vị trí A), loại đất LUC, thuộc một phần của thửa đất số 269; diện tích 634,6m² (vị trí D, E) và toàn bộ căn nhà nằm trên vị trí đất được nhận, loại đất ONT, thuộc một phần của thửa đất số 738, cùng tờ bản đồ số 02 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02428, CH02427 cùng ngày 12 tháng 06 năm 2015 cho bà Trương Thị D

đứng tên, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ và đồng ý có trách nhiệm tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản nằm trên vị trí C, F thuộc một phần thửa 738 để giao trả đất cho ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1. Tài sản được nhận có giá trị 313.886.000 đồng (ba trăm mười ba triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

5. Chia ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 diện tích 3059.4m² (vị trí B), loại đất LUC, thuộc một phần của thửa đất số 269; diện tích 951,9m² (vị trí A, B, C) và 317,5m² (vị trí F), loại đất ONT, thuộc một phần của thửa đất số 738, cùng tờ bản đồ số 02 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02428, CH02427 cùng ngày 12 tháng 06 năm 2015 cho bà Trương Thị D đứng tên, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Tài sản được nhận có giá trị 627.854.000 đồng (sáu trăm hai mươi bảy triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Ghi nhận ông Hoàng A đồng ý trả công sức đóng góp xây dựng nhà cho bà D, ông T2 số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), số tiền này được chia đều cho ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1 và bà Đỗ Tân M1 mỗi người 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

(Vị trí, kích thước, phân đất được chia và thi hành được thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 567, 568/VPĐKĐĐ ngày 16/8/2024 của Trung tâm K; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên định giá tài sản cùng ngày 27/11/2023).

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị M2.

Hủy Hợp cớ bằng văn bản đánh máy có tiêu đề “Tờ Hợp Đồng Cổ Đất Ruộng” ngày 28/9/2021 giữa bà Nguyễn Thị M2 và Trương Thị D1, Đỗ Văn L.

Buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trương Thị D gồm có: Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 đồng ý cùng có nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi thừa kế di sản cho bà Nguyễn Thị M2 26 chỉ vàng 24K. (Trong đó, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Thị M có trách nhiệm trả cho bà M2 8,66 chỉ vàng 24K; Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 cùng có trách nhiệm trả cho bà M2 17,34 chỉ vàng 24K).

7. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng N3.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trương Thị D gồm có: Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 đồng ý cùng có nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi thừa kế di sản cho Ngân hàng N4 tổng số tiền là 95.676.493 đồng (chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng). Trong đó, 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) nợ gốc, 15.676.493 đồng (mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng) nợ lãi trong hạn) cụ thể trả như sau: Ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Thị M có trách nhiệm trả nợ gốc 26.667.000 đồng (làm tròn), nợ lãi 5.226.000 đồng (làm tròn); Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 có trách nhiệm trả nợ gốc

53.334.000 đồng (làm tròn), nợ lãi 10.451.000 đồng (làm tròn) tính đến ngày 25/9/2024.

Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh (*không tính lãi quá hạn*) tính từ ngày 26/9/2024 cho đến khi trả xong nợ, trong phạm vi thừa kế di sản của bà Trương Thị D để lại (*tương ứng tiền lãi chia đều mỗi người chịu 1/6*). Theo hợp đồng tín dụng theo hợp đồng tín dụng số:1805-LAV-2021 00428 ngày 11/3/2021 đã ký kết.

Sau khi ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 hoàn tất nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên thì Ngân hàng N2 có trách nhiệm trả lại toàn bộ bản chính giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1.

Trường hợp ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 không thanh toán hoặc thanh toán không đúng hạn các khoản nợ trên thì nguyên đơn Ngân hàng N4 có quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền phát mãi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 02, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 4589m², loại đất LUC, do Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH02427 ngày 12/6/2015 cho bà Trương Thị D đứng tên, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ theo hợp đồng tín dụng số:1805-LAV-2021 00428 ngày 11/3/2021 để thu hồi nợ cho Ngân hàng N3.

8. Về chi phí tố tụng: Ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Thị M phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), công nhận đã nộp và chi xong. Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) và có trách nhiệm trả lại số tiền này cho ông Đỗ Hoàng A.

9. Về án phí dân sự:

9.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí chia thừa kế: Ông Đỗ Hoàng A phải chịu 15.694.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Sau khi khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006950 ngày 04/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh thì ông Đỗ Hoàng A còn phải nộp 15.394.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 phải chịu 29.114.000 đồng (hai mươi chín triệu một trăm mười bốn nghìn đồng). Sau khi khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng 7.670.000 đồng (bảy triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003752 ngày 19/8/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh thì ông Đỗ Văn C,

ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 còn phải nộp 21.444.000 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Án phí đối với hủy hợp đồng cô đất và trả 26 chỉ vàng 24K cho bà Nguyễn Thị M2: Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 phải chịu 10.700.000 đồng (mười triệu bảy trăm nghìn đồng). Trong đó, 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hủy hợp đồng cô đất và 10.400.000 đồng (mười triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí đối với 26 chỉ vàng 24K phải trả). Tương ứng mỗi người phải chịu án phí là 1.785.333 đồng (một triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Án phí đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng N2: Ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L, bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Hoàng A, bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M1 phải chịu 4.784.000 đồng (bốn triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Tương ứng mỗi người phải chịu án phí là 798.000 đồng (bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Bà Đỗ Thị M được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007128 ngày 12/7/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh.

Bà Nguyễn Thị M2 được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007004 ngày 22/4/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh.

Ngân hàng N2 nhận lại tiền tạm ứng án phí 2.396.000 đồng (hai triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007122 ngày 03/7/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh.

9.2 Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Hồng L1, bà Đỗ Tân M5 số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003798 ngày 09/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND huyện Vĩnh Thạnh;

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Bích Hải